TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ TÂN** TỈNH CÀ MAU	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2020/HNGĐ-ST
Ngày 15-01-2020
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trần Thị Hoài Yên.

Bà Phạm Hồng Ân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Hồng Huệ là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Trung Tính - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 01 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 398/2019/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2019 về ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 285/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 12 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1973 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp B, xã Đ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

- *Bị đơn:* Chị Lê Nguyên Thị D, sinh năm 1989 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã P, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 16 tháng 11 năm 2019, anh Nguyễn Văn N trình bày: Vào ngày 15 tháng 5 năm 2009 anh và chị Lê Nguyên Thị D kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp. Trong quá trình chung sống thì từ năm 2014 giữa anh và chị Lê Nguyên Thị D xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng mà không thể hàn gắn được. Xét thấy, hôn nhân không còn hạnh phúc, vợ chồng không thể tiếp tục cuộc sống chung nên anh yêu cầu được ly hôn với chị Lê Nguyên Thị D. Về con chung, có một người tên là Nguyễn Mạnh C (giới tính nam), sinh ngày 03/6/2010, anh yêu cầu giao con chung cho chị Lê Nguyên Thị D tiếp tục nuôi, anh không cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 16/12/2019, bị đơn chị Lê Nguyên Thị D cho rằng về thời gian kết hôn, có đăng ký kết hôn, mâu thuẫn đúng như anh Nguyễn Văn N đã trình bày, nay tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên chị đồng ý ly hôn. Về con chung, chị chấp nhận nuôi dưỡng Nguyễn Mạnh C (giới tính nam), sinh ngày 03/6/2010, chị không yêu cầu anh Nguyễn Văn N cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát: Về tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự được thực hiện đúng quy định của pháp luật. Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điều 56, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận cho anh Nguyễn Văn N ly hôn với chị Lê Nguyên Thị D. Giao một người con chung tên là Nguyễn Mạnh C (giới tính nam), sinh ngày 03/6/2010 cho chị Lê Nguyên Thị D chịu trách nhiệm tiếp tục nuôi dưỡng, anh Nguyễn Văn N không cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Việc anh Nguyễn Văn N yêu cầu ly hôn chị Lê Nguyên Thị D là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự. Đồng thời, anh Nguyễn Văn N và chị Lê Nguyên Thị D có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ để xét xử vắng mặt anh Nguyễn Văn N và chị Lê Nguyên Thị D theo quy định tại Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét về hôn nhân, anh Nguyễn Văn N và chị Lê Nguyên Thị D kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp vào ngày 15 tháng 5 năm 2009, nên hôn nhân giữa anh Nguyễn Văn N và chị Lê Nguyên Thị D được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống anh Nguyễn Văn N và chị Lê Nguyên Thị D đều thừa nhận từ năm 2014 thì giữa vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, hiện không còn khả năng hàn gắn tình cảm vợ chồng. Vì cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc nên anh Nguyễn Văn N yêu cầu ly hôn và được chị Lê Nguyên Thị D đồng ý. Xét thấy, hôn nhân của anh Nguyễn Văn N và chị Lê Nguyên Thị D đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Từ đó, chấp nhận cho anh Nguyễn Văn N ly hôn với chị Lê Nguyên Thị D là có căn cứ theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung, có một người tên là Nguyễn Mạnh C (giới tính nam), sinh ngày 03/6/2010, anh Nguyễn Văn N yêu cầu giao cho chị Lê Nguyên Thị D tiếp tục nuôi và chị Lê Nguyên Thị D đồng ý. Đồng thời, Nguyễn Mạnh C có nguyện vọng được sống với chị Lê Nguyên Thị D. Nhằm ổn định cuộc sống, phù hợp với nguyện vọng và đảm bảo sự phát triển bình thường của con chưa thành niên, nên giao chị Lê Nguyên Thị D được tiếp tục nuôi dưỡng con chung là đúng với quy định tại các điều 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình. Ghi nhận sự tự nguyện của chị Lê Nguyên Thị D là không yêu cầu anh Nguyễn Văn N cấp dưỡng nuôi con.

[4] Anh Nguyễn Văn N và chị Lê Nguyên Thị D xác định tài sản chung và nợ chung không có nên không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, anh Nguyễn Văn N chịu theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Áp dụng các điều 56, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho anh Nguyễn Văn N ly hôn với chị Lê Nguyên Thị D.

2. Về con chung, giao cho chị Lê Nguyên Thị D chịu trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng một người con chung tên là Nguyễn Mạnh C (giới tính nam), sinh ngày 03/6/2010. Ghi nhận sự tự nguyện của chị Lê Nguyên Thị D không yêu cầu anh Nguyễn Văn N cấp dưỡng nuôi con.

Anh Nguyễn Văn N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, anh Nguyễn Văn N phải chịu 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0019630, ngày 05 tháng 12 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau, anh Nguyễn Văn N đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Anh Nguyễn Văn N và chị Lê Nguyên Thị D có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thế Phương